

Danh sách thí sinh ĐH (Không có CĐ) có tổng điểm ≥ 28 (327 t

STT	truong	khoi	hoten	phai	ngaysinh	dm1	dm2	dm3	dtc0
1	YHB	B	Đậu Thị Thu	1	201093	975	975	975	2925
2	YDS	B	Dương Thanh Hùng	0	31293	925	1000	1000	
3	YDS	B	Huỳnh Thanh Tùng	0	10393	1000	975	950	
4	YDS	B	Lê Minh Khiết	0	140793	1000	1000	925	
5	YHB	B	Nguyễn Huy Thành	0	150593	1000	1000	925	2925
6	YDS	B	Nguyễn Tấn Phong	0	10193	975	1000	975	
7	YDS	B	Nguyễn Trường Thịnh	0	190393	975	1000	975	
8	DHY	B	Phạm Thái Sơn	0	200193	975	1000	975	2950
9	YHB	B	Thái Quỳnh Trang	1	261193	975	1000	950	2925
10	YHB	B	Trần Đình Anh	0	60193	950	1000	975	2925
11	YDS	B	Cao Hạo Nhiên	0	250893	975	950	975	
12	YDS	B	Cao Thành Chương	0	291193	1000	950	950	
13	YHB	B	Chu Ngọc Minh	0	140993	975	925	975	2875
14	QHI	A	Chu Văn Tạo	0	10393	1000	925	950	
15	QHT	B	Hà Trung Phong	0	20993	975	1000	900	
16	YHB	B	Hoàng Thị Yến Hoa	1	220893	975	1000	900	2875
17	YHB	B	Hoàng Xuân Tuấn Anh	0	160993	1000	925	950	2875
18	YDS	B	Kha Xuân Mai	1	270693	1000	925	950	
19	YCT	B	La Minh Thành	0	191293	1000	925	950	2875
20	NTH	A	Lê Cao Nguyên	0	261293	950	975	975	2900
21	YHB	B	Lê Quang Huy	0	121093	950	1000	950	2900
22	QHT	B	Lê Tùng Ngân	1	40593	925	1000	950	
23	YDS	B	Lưu Thị Hoa	1	291293	950	1000	950	
24	YHB	B	Ngô Minh Phúc	0	180993	950	1000	925	2875
25	BKA	A	Nguyễn Đức Quyền	0	280293	900	975	1000	2875
26	NTH	A	Nguyễn Duy Hải	0	230893	925	950	1000	2875
27	YHB	B	Nguyễn Thị Mai Hương	1	231193	1000	950	950	2900
28	DKH	A	Nguyễn Thị Nga	1	240593	900	975	1000	2875
29	YDS	B	Nguyễn Thị Thanh Hải	1	201193	1000	925	950	
30	YHB	B	Nguyễn Văn Thành	0	120993	975	950	975	2900
31	YDS	B	Phạm Đặng Duy Quang	0	200194	1000	950	950	
32	KHA	A	Phạm Huy Bắc	0	60793	950	950	1000	2900
33	BKA	A	Phạm Mạnh Trường	0	10693	1000	975	900	2875
34	BKA	A	Phạm Văn Đình	0	141093	950	975	950	2875
35	DKH	A	Phùng Đức Hạnh	0	141093	900	1000	975	2875
36	QHT	B	Trần Duy Tùng	0	251293	925	1000	950	
37	KSA	A	Trần Xuân Hóa	0	200193	900	975	1000	2875
38	YHB	B	Vũ Hồng Phú	0	170993	1000	900	1000	2900
39	YDS	B	Vũ Lê Ngọc	0	200393	950	1000	925	
40	QSB	A	Chu Văn Chính	0	60793	900	950	975	2825
41	YHB	B	Đàm Thị Hà My	1	11093	950	900	975	2825
42	YHB	B	Đặng Công Việt	0	150993	950	925	975	2850
43	YDS	B	Đặng Quang Thông	0	241093	1000	975	875	
44	KHA	A	Đặng Thị Lớn	1	201193	900	950	975	2825
45	YHB	B	Đặng Văn Hùng	0	20493	975	950	925	2850
46	KHA	A	Đào Mạnh Hùng	0	40193	900	1000	950	2850

47	YHB	B	Đào Phan Thu Hường	1	280193	950	1000	875	2825
48	DKH	A	Đào Tú Anh	0	220293	875	950	1000	2825
49	NTH	A	Đào Văn Duy	0	120893	900	925	1000	2825
50	YHB	B	Đào Xuân Hưởng	0	170493	975	1000	850	2825
51	KHA	A	Đào Xuân Linh	0	230993	900	975	950	2825
52	DKH	A	Đậu Thị Thu	1	201093	900	950	975	2825
53	YHB	B	Đỗ Thị Hồng	1	91192	950	950	925	2825
54	NTS	A	Hồ Bảo Trung	0	130193	900	1000	950	2850
55	KHA	A	Hoàng Đức Thành	0	70993	875	950	1000	2825
56	KHA	A	Hoàng Ngọc Bích	0	91193	900	975	975	2850
57	BKA	A	Hoàng Văn Tiếp	0	10693	900	925	1000	2825
58	YDS	B	Huỳnh Bảo Lưu	0	280793	950	1000	900	
59	QST	B	Huỳnh Mẫn Anh	0	30793	950	950	925	2825
60	QSB	A	Lê Anh Vũ	0	120893	950	950	950	2850
61	YDS	B	Lê Công Hiếu	0	180193	975	900	950	
62	QSY	B	Lê Đào Phúc Thái	0	60893	1000	900	925	2825
63	NTS	A	Lê Minh Khiết	0	140793	900	950	975	2825
64	YDS	B	Lê Phú Nhật Thịnh	0	40993	925	1000	900	
65	NTH	A	Lê Trung Đức	0	191293	900	1000	925	2825
66	YDS	B	Lê Tuấn Nghĩa	0	20193	975	925	950	
67	YDS	B	Lê Việt Cường	0	80793	1000	900	950	
68	YHB	B	Lưu Thị Thảo Nguyên	1	190793	900	1000	925	2825
69	KHA	A	Ngô Xuân Lâm	0	31293	900	950	975	2825
70	YDS	B	Nguyễn An Kim Thịnh	0	160993	950	975	925	
71	QHT	B	Nguyễn Anh Nhân	0	250993	875	975	975	
72	NTH	A	Nguyễn Anh Tuấn	0	300393	1000	900	950	2850
73	YHB	B	Nguyễn Bá Phong	0	20793	950	900	1000	2850
74	YDS	B	Nguyễn Đoàn Ngọc Châu	1	170192	975	900	950	
75	KHA	A	Nguyễn Đức Long	0	181193	900	950	1000	2850
76	NTH	A	Nguyễn Duy Thanh	0	241193	925	975	950	2850
77	YHB	B	Nguyễn Duy Tuấn	0	180193	1000	900	950	2850
78	YDS	B	Nguyễn Hoàng Chung	0	21193	925	1000	900	
79	YDS	B	Nguyễn Hoàng Uyên Phương	1	120893	1000	975	850	
80	YHB	B	Nguyễn Huy Đông	0	300393	975	900	950	2825
81	TYS	B	Nguyễn Lê Diễm Thanh	1	61293	975	1000	850	2825
82	NTH	A	Nguyễn Ngọc Quân	0	250493	900	1000	950	2850
83	YHB	B	Nguyễn Ngọc Thanh	0	120993	1000	925	900	2825
84	YDS	B	Nguyễn Ngọc Triều	0	280493	975	925	925	
85	NTH	A	Nguyễn Phú Trang Hưng	0	111093	975	900	950	2825
86	YHB	B	Nguyễn Phương Anh	1	80993	975	1000	850	2825
87	BKA	A	Nguyễn Thanh Tâm	0	260793	900	975	950	2825
88	QHT	B	Nguyễn Thị Hoa	1	291293	900	1000	925	
89	DKH	A	Nguyễn Thị Lan	1	180693	875	950	1000	2825
90	YHB	B	Nguyễn Thị Lan	1	210493	975	900	950	2825
91	DKH	A	Nguyễn Thị Lan	1	210493	900	925	1000	2825
92	NTH	A	Nguyễn Thị Minh Phương	1	120293	900	925	1000	2825
93	NTH	A	Nguyễn Thị Nga	1	61193	900	975	950	2825
94	QSK	A	Nguyễn Thị Thanh Hà	1	151293	900	950	1000	2850
95	YHB	B	Nguyễn Thị Thảo Nhi	1	241093	1000	875	950	2825
96	DKH	A	Nguyễn Thị Thu Trang	1	100493	900	950	975	2825
97	KHA	A	Nguyễn Trọng Tài	0	150593	900	975	950	2825

98	QST	A	Nguyễn Trường Thịnh	0	190393	925	925	975	2825
99	DKH	A	Nguyễn Văn Đức	0	70193	900	975	950	2825
100	YDS	B	Nguyễn Việt Hoà	0	40993	975	925	950	
101	TYS	B	Phạm Đỗ Linh Ấn	0	310793	975	900	950	2825
102	YHB	B	Phạm Thành Chương	0	270593	925	950	950	2825
103	YHB	B	Phạm Thị Hương Giang	1	101293	1000	925	925	2850
104	YHB	B	Phạm Thị Lan Thanh	1	90393	950	1000	875	2825
105	NTH	A	Phan Thị Trang	1	241193	900	925	1000	2825
106	YDS	B	Phan Vĩnh Luân	0	121093	975	900	950	
107	NTH	A	Trần Bảo Trung	0	150593	900	1000	925	2825
108	YDS	B	Trần Đoàn Tấn	0	231193	975	975	900	
109	NTH	A	Trần Minh Đức	0	270893	900	950	975	2825
110	QSB	A	Trần Nhật Trường	0	300793	900	950	975	2825
111	YHB	B	Trần Sơn Hải	0	120693	850	1000	975	2825
112	DKH	A	Trần Sơn Hải	0	120693	900	925	1000	2825
113	DTY	B	Trần Thị Khánh Linh	1	171093	950	925	975	
114	DKH	A	Trần Xuân Hoà	0	200393	900	950	975	2825
115	YHB	B	Trịnh Thanh Hải	1	30593	975	925	950	2850
116	NTH	A	Trịnh Thị Trâm Anh	1	171193	900	950	1000	2850
117	NTH	A	Trịnh Văn Nhân	0	90393	900	975	950	2825
118	KSA	A	Trương Bảo Trung	0	261193	950	950	950	2850
119	YDS	B	Trương Duy Anh	0	141293	1000	900	950	
120	YHB	B	Trương Thị Thuỳ Liên	1	190793	950	925	975	2850
121	YDS	B	Võ Thị Huệ	1	41293	975	1000	875	
122	QHT	B	Vũ Thị An Hòa	1	40593	950	950	950	
123	YTB	B	Vũ Thị Thanh Huyền	1	280193	950	1000	875	2825
124	YDS	B	Vũ Văn Phúc	0	41093	950	900	1000	
125	NTH	A	An Thị Thuỳ Anh	1	290193	900	950	925	2775
126	NTH	A	Bùi Ngọc Sơn	0	190293	900	950	950	2800
127	YDS	B	Bùi Quốc Cường	0	160193	925	950	900	
128	YDS	B	Bùi Thị Hải Yến	1	130393	1000	825	950	
129	KHA	A	Bùi Thị Quỳnh Trang	1	71193	875	950	950	2775
130	KHA	A	Bùi Thị Yến	1	121293	900	950	950	2800
131	YHB	B	Cần Việt Hùng	0	140593	825	1000	975	2800
132	KHA	A	Cần Việt Hùng	0	140593	875	925	975	2775
133	YDS	B	Cao Kỳ Hiệu	0	250393	975	1000	825	
134	QSB	A	Cao Thành Chương	0	291193	1000	825	950	2775
135	NNH	B	Chữ Bích Phương	1	200192	950	900	950	2800
136	NNH	B	Chữ Bích Phương	1	200192	950	900	950	2800
137	YHB	B	Chu Văn Tạo	0	10393	950	900	950	2800
138	YDS	B	Cù Thị Mỹ Duyên	1	210493	1000	925	850	
139	KHA	A	Đàm Thị Thơm	1	271193	900	925	950	2775
140	XDA	A	Đặng Công Việt	0	150993	900	900	975	2775
141	NTS	A	Đặng Duy Hưng	0	90592	900	950	950	2800
142	YHB	B	Đặng Hải Tú	0	110693	975	900	925	2800
143	DKH	A	Đặng Minh Anh	0	50793	900	950	950	2800
144	YDS	B	Đặng Phước Trường Minh	0	50692	850	1000	925	
145	YHB	B	Đặng Thị Phượng	1	91093	975	925	875	2775
146	YHB	B	Đào Hồng Phượng	1	140993	1000	850	950	2800
147	YHB	B	Đào Thị Huyền	1	180292	950	900	950	2800
148	QHI	A	Đậu Đình Nghĩa	0	251290	900	925	950	

149	NTH	A	Đinh Đức Dũng	0	90293	900	950	925	2775
150	YHB	B	Đinh Đức Dũng	0	90293	850	1000	950	2800
151	KHA	A	Đinh Đức Hóa	0	200293	875	950	950	2775
152	BAK	A	Đinh Ngọc Dũng	0	130493	900	925	950	2775
153	YCT	B	Đinh Thái Bình	0	190993	975	875	925	2775
154	NTH	A	Đinh Thị Thiên Trang	1	10193	900	925	975	2800
155	KHA	A	Đinh Văn Điền	0	10593	900	950	950	2800
156	YDS	B	Đinh Văn Tứ	0	20593	925	1000	850	
157	QSB	A	Đỗ Minh Khôi	0	100993	875	950	950	2775
158	BAK	A	Đỗ Quốc Đạt	0	70893	900	950	950	2800
159	NTH	A	Đoàn Quốc Việt	0	241193	850	950	975	2775
160	KHA	A	Dương Hồng Quân	0	41293	900	900	975	2775
161	KSA	A	Dương Thanh Hùng	0	31293	900	950	950	2800
162	YHB	B	Dương Thị Hà	1	10293	900	925	950	2775
163	NTH	A	Dương Thuý Nga	1	250593	900	950	950	2800
164	DKH	A	Hồ Ngọc Phú	0	10793	875	975	950	2800
165	NTH	A	Hoàng Đăng Quý	0	281093	950	900	950	2800
166	YHB	B	Hoàng Văn Thông	0	90893	975	875	950	2800
167	YDS	B	Huỳnh Thị Vân Anh	1	90293	950	975	875	
168	KSA	A	Huỳnh Thương	0	20193	850	925	1000	2775
169	YDS	B	Huỳnh Thương	0	20193	950	900	925	
170	BAK	A	Lại Đắc Hợp	0	41093	875	950	975	2800
171	BAK	A	Lê Bá Khánh Chi	0	151293	900	875	1000	2775
172	QSB	A	Lê Cao Thắng	0	41293	925	875	975	2775
173	YHB	B	Lê Đức Anh	0	100893	900	975	925	2800
174	DKH	A	Lê Đức Anh	0	100893	900	950	950	2800
175	KHA	A	Lê Hà Phong	0	10893	850	950	1000	2800
176	YHB	B	Lê Hữu ý	0	241293	900	900	1000	2800
177	NTH	A	Lê Huy Đức Anh	0	10993	900	950	950	2800
178	DHY	B	Lê Minh Quân	0	80393	900	1000	875	2775
179	QSB	A	Lê Minh Toàn	0	281293	900	950	950	2800
180	DHY	B	Lê Nhật Thảo	1	60993	975	925	875	2775
181	YPB	B	Lê Quyết Chiến	0	200493	950	975	850	2775
182	YHB	B	Lê Thị Huyền Trang	1	170993	850	975	950	2775
183	YPB	B	Lê Thị Thu Hường	1	220893	925	875	975	2775
184	KSA	A	Lê Tuấn Vũ	0	180893	900	925	950	2775
185	NTH	A	Lê Tùng Ngân	1	40593	900	950	950	2800
186	DHY	B	Lê Văn Lâm	0	101293	825	1000	975	2800
187	NTS	A	Lưu Thị Hoa	1	291293	900	900	975	2775
188	YDS	B	Mai Phương Nghĩa	1	30292	925	875	975	
189	YHB	B	Mai Thị Hồng Nhung	1	10493	850	975	950	2775
190	NTH	A	Mai Thị Linh Hương	1	300793	900	925	950	2775
191	DKH	A	Mai Thị Luyện	1	41093	900	950	950	2800
192	DKH	A	Mai Văn Duẩn	0	261293	900	950	950	2800
193	YDS	B	Ngô Anh Dũng	0	161293	950	900	925	
194	BVH	A	Ngô Đức Mạnh	0	220393	900	925	975	2800
195	KHA	A	Ngô Duy Quang	0	190693	900	900	975	2775
196	QSB	A	Ngô Quang Khải	0	110293	900	925	950	2775
197	KHA	A	Ngô Thanh Tùng	0	160593	900	950	950	2800
198	KSA	A	Ngô Thế Phương	0	310193	875	925	1000	2800
199	NTH	A	Ngô Thị Mai	1	180693	925	900	950	2775

200	DKH	A	Ngô Xuân Đăng	0	70193	975	850	950	2775
201	YHB	B	Ngọc Tiền	1	120993	950	975	850	2775
202	QHT	B	Ngọc Việt Tiến	0	170893	825	1000	950	
203	YHB	B	Nguyễn Anh Tuấn	0	170993	900	975	925	2800
204	NTH	A	Nguyễn Bích Ngọc	1	200293	875	950	950	2775
205	NTS	A	Nguyễn Bích Tuyền	1	100393	900	925	950	2775
206	DKH	A	Nguyễn Chân Hoàng	0	280393	900	925	950	2775
207	NTS	A	Nguyễn Đặng Quang Vinh	0	300893	900	900	1000	2800
208	QSB	A	Nguyễn Đình Huân	0	201193	925	925	925	2775
209	YCT	B	Nguyễn Đình Kha	0	91293	1000	825	975	2800
210	YDS	B	Nguyễn Đoàn Thiện Nhân	0	230793	950	875	975	
211	NTH	A	Nguyễn Đức Hoàng	0	180793	950	950	900	2800
212	YHB	B	Nguyễn Đức Quyền	0	280293	975	850	950	2775
213	NTH	A	Nguyễn Đức Thường	0	160693	1000	850	950	2800
214	YHB	B	Nguyễn Duy Thanh	0	241193	850	1000	950	2800
215	YHB	B	Nguyễn Giang Sơn	0	230993	850	1000	950	2800
216	YHB	B	Nguyễn Hải Đăng	0	230193	1000	850	925	2775
217	KHA	A	Nguyễn Hải Đăng	0	210193	900	925	950	2775
218	NTH	D3	Nguyễn Hải Hà	1	180293	850	975	950	2775
219	NTH	A	Nguyễn Hải Tuyền	0	291293	875	950	950	2775
220	YDS	B	Nguyễn Hoàng Nam	0	140593	1000	1000	800	
221	NTS	A	Nguyễn Hoàng Uyên Phương	1	120893	900	950	950	2800
222	BKA	A	Nguyễn Huy Phóng	0	280893	850	950	975	2775
223	KHA	A	Nguyễn Huy Thành	0	150593	900	975	900	2775
224	YDS	B	Nguyễn Huỳnh Vĩnh Phước	0	90293	950	925	925	
225	NHH	A	Nguyễn Khánh Linh	1	161193	900	900	1000	2800
226	NTH	D1	Nguyễn Kim Lâm	0	210193	850	975	950	2775
227	YHB	B	Nguyễn Kim Ngọc Khánh	0	80193	950	975	850	2775
228	NTH	A	Nguyễn Kim Thương	0	210793	850	975	950	2775
229	NTH	A	Nguyễn Lan Hoàng	1	140693	950	875	950	2775
230	YHB	B	Nguyễn Mạnh Cầm	0	190393	875	1000	900	2775
231	YHB	B	Nguyễn Mạnh Trường	0	231193	850	975	950	2775
232	YHB	B	Nguyễn Minh Thu	1	50693	975	900	900	2775
233	DKH	A	Nguyễn Mỹ Chân	1	300893	875	950	975	2800
234	YDS	B	Nguyễn Ngọc Thịnh	0	160893	850	1000	925	
235	YHB	B	Nguyễn Nhật Minh	0	130593	950	1000	850	2800
236	YDS	B	Nguyễn Phú Quốc	0	121293	1000	900	875	
237	YHB	B	Nguyễn Quỳnh Nga	1	280293	900	950	950	2800
238	YDS	B	Nguyễn Tấn Duy	0	291093	925	900	975	
239	NTH	A	Nguyễn Thành Công	0	180293	875	950	950	2775
240	QST	A	Nguyễn Thanh Liêm	0	170893	875	950	950	2775
241	YHB	B	Nguyễn Thị Hà Mi	1	30393	925	1000	850	2775
242	NHS	A	Nguyễn Thị Hiền	1	291093	900	975	900	2775
243	SPH	A	Nguyễn Thị Huyền Trang	1	90493	850	950	975	2775
244	DKH	A	Nguyễn Thị Mai Hương	1	231193	875	925	975	2775
245	YPB	B	Nguyễn Thị Mười	1	50393	950	950	900	2800
246	YHB	B	Nguyễn Thị Nga	1	240593	975	875	950	2800
247	NHH	A	Nguyễn Thị Nga	1	160793	900	925	950	2775
248	YHB	B	Nguyễn Thị Nga	1	61193	850	1000	925	2775
249	NTH	A	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	1	150993	900	925	975	2800
250	QHT	B	Nguyễn Thị Như Trang	1	230493	950	900	925	

251	NTH	A	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1	150393	900	950	925	2775
252	YDS	B	Nguyễn Thị Thanh Ly	1	60893	1000	900	875	
253	YHB	B	Nguyễn Thị Thu Trang	1	100493	825	1000	950	2775
254	YHB	B	Nguyễn Thị Thu Nhung	1	20793	950	975	850	2775
255	YDS	B	Nguyễn Thùy Linh	1	100393	950	900	925	
256	NTS	A	Nguyễn Thùy Linh	1	100393	900	875	1000	2775
257	KHA	A	Nguyễn Tiến Thắng	0	141293	900	950	925	2775
258	YHB	B	Nguyễn Trần Thành	0	121193	975	875	950	2800
259	YDS	B	Nguyễn Trung Khải	0	220493	950	1000	850	
260	KHA	A	Nguyễn Trường Giang	0	151093	900	950	925	2775
261	NHS	A	Nguyễn Tùng Thanh Quý	0	280293	900	925	950	2775
262	YDS	B	Nguyễn Văn Dũng	0	280493	925	925	925	
263	YHB	B	Nguyễn Văn Hậu	0	240193	1000	925	850	2775
264	QHT	A	Nguyễn Văn Kỳ	0	200193	875	950	950	
265	YHB	B	Nguyễn Văn Trọng	0	220393	900	950	950	2800
266	NTH	A	Nguyễn Văn Tuấn	0	110393	900	950	925	2775
267	QSB	A	Nguyễn Việt Đức	0	250293	900	950	950	2800
268	HTC	A	Nguyễn Vũ Duy Hiếu	0	220493	900	950	925	
269	YHB	B	Nguyễn Vỹ Đại	0	250293	950	1000	825	2775
270	KHA	A	Nguyễn Xuân Đức	0	160893	900	925	975	2800
271	DKH	A	Phạm Đăng Tùng	0	240493	900	925	950	2775
272	QSB	A	Phạm Đức Hưng	0	81193	900	950	950	2800
273	SPH	A	Phạm Hồng Anh	1	150793	925	925	925	2775
274	QHT	B	Phạm Hồng Anh	1	150793	925	900	950	
275	YHB	B	Phạm Hồng Hà	1	200993	950	900	950	2800
276	YHB	B	Phạm Khắc Khiêm	0	220893	1000	875	900	2775
277	YDS	B	Phạm Lâm Thư	1	181093	1000	900	900	
278	BJA	A	Phạm Ngọc Quân	0	130793	875	950	975	2800
279	YHB	B	Phạm Ngọc Thúy	1	211293	950	1000	850	2800
280	YHB	B	Phạm Quang Thọ	0	81093	1000	850	950	2800
281	NTH	A	Phạm Thị Hương Giang	1	101293	900	900	1000	2800
282	NTH	A	Phạm Thị Như Quỳnh	1	80294	900	950	925	2775
283	YDS	B	Phạm Tiến Quang	0	190693	1000	950	850	
284	DKH	A	Phạm Văn Chung	0	30293	925	925	925	2775
285	YHB	B	Phạm Vũ Anh Quang	0	160593	950	900	925	2775
286	KHA	A	Phan Bá Tuấn	0	150293	900	950	925	2775
287	SPH	A	Phan Duy Cảnh	0	190993	900	900	1000	2800
288	YHB	B	Phan Duy Cảnh	0	190993	850	950	975	2775
289	YDS	B	Phan Hồng Thắng	0	30993	925	900	950	
290	DHY	B	Phan Thị Liên Nhi	1	40493	975	1000	825	2800
291	DDQ	A	Phan Thị Liên Nhi	1	40493	900	950	925	2775
292	YHB	B	Phan Thị Trang	1	241193	850	1000	950	2800
293	NTH	A	Phùng Thị Phương Ngoan	1	120893	900	950	950	2800
294	YDS	B	Tạ Duy Khánh	0	190893	1000	850	950	
295	NTH	A	Thái Quỳnh Trang	1	261193	825	975	975	2775
296	YDS	B	Trần Anh Duy	0	271193	975	825	975	
297	YDS	B	Trần Công Huân	0	160693	950	900	950	
298	YDS	B	Trần Công Minh	0	120293	950	925	900	
299	YHB	B	Trần Cường	0	31293	925	975	900	2800
300	NTH	A	Trần Đình Anh	0	60193	900	925	950	2775
301	YDS	B	Trần Đỗ Hữu Toàn	0	270993	950	975	850	

302	YPB	B	Trần Đức Sơn	0	250693	950	875	950	2775
303	YDS	B	Trần Phúc Thịnh	0	111093	950	1000	825	
304	YHB	B	Trần Phương Thảo	1	60893	950	1000	850	2800
305	NTH	A	Trần Thị Bích Phương	1	120493	850	950	975	2775
306	DKH	A	Trần Thị Hoài Thương	1	200993	875	925	975	2775
307	NTH	A	Trần Thị Khánh Linh	1	171093	900	925	975	2800
308	NTH	A	Trần Thị Mai Hương	1	101093	900	925	950	2775
309	YDS	B	Trần Tuấn Anh	0	10293	950	900	950	
310	YHB	B	Trần Văn Phần	0	281193	975	850	975	2800
311	NTH	A	Trần Xuân Trường	0	161290	900	950	950	2800
312	YDS	B	Triệu Đức Minh	0	230193	975	875	950	
313	NTH	A	Trịnh Đức Dũng	0	101193	900	950	950	2800
314	DKH	A	Trịnh Minh Hưng	0	200993	900	925	950	2775
315	BKA	A	Trịnh Thanh Hải	1	30593	925	900	950	2775
316	NTH	A	Trịnh Trọng Quý	0	301093	900	900	975	2775
317	NTS	A	Trịnh Văn Phú	0	30593	900	925	950	2775
318	YDS	B	Trương Quang Hiếu	0	240493	1000	825	950	
319	YHB	B	Văn Thị Thu Hiền	1	290493	950	875	950	2775
320	YTB	B	Vũ Đức Anh	0	201093	950	975	850	2775
321	DKH	A	Vũ Hồng Ngọc Hưng	0	240893	900	925	975	2800
322	YHB	B	Vũ Mạnh Cường	0	81093	950	975	875	2800
323	YHB	B	Vũ Thành Trung	0	90293	950	900	950	2800
324	KHA	A	Vũ Thanh Tùng	0	150293	900	950	925	2775
325	NTH	A	Vũ Thu Trang	1	141193	875	975	950	2800
326	YHB	B	Vũ Thu Trang	1	141193	975	875	950	2800
327	BKA	A	Vũ Văn Minh	0	100793	900	950	925	2775

hí sĩ **Màu vàng** là điểm cao ở cả hai khối thi

dtc	tongdiem	sobaodanh	truong_dh.tentruong
2950	29.5	18303	Trường Đại học Y Hà Nội
2950	29.5	30074	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2950	29.5	4714	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2950	29.5	40185	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2950	29.5	12139	Trường Đại học Y Hà Nội
2950	29.5	41165	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2950	29.5	10352	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2950	29.5	57172	Trường Đại học Y Dược, ĐHQG Huế
2950	29.5	18473	Trường Đại học Y Hà Nội
2950	29.5	16603	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	40312	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2900	29	413	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2900	29	8771	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	7208	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà nội
2900	29	2762	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2900	29	4729	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	16592	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	8354	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2900	29	7692	Trường Đại học Y dược Cần Thơ
2900	29	2345	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2900	29	5667	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	4727	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2900	29	7378	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2900	29	17908	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	8897	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2900	29	3934	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2900	29	17379	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	1741	Trường Đại học Dược Hà Nội
2900	29	998	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2900	29	12203	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	3125	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2900	29	1282	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2900	29	11774	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2900	29	2658	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2900	29	3218	Trường Đại học Dược Hà Nội
2900	29	4145	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2900	29	18217	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
2900	29	10430	Trường Đại học Y Hà Nội
2900	29	41112	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
285	28.5	767	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2850	28.5	8903	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	15959	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	3892	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	8694	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2850	28.5	6115	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	6544	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

2850	28.5	6616	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	85	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	502	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	6701	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	8413	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2850	28.5	3435	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	5302	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	911	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2850	28.5	12827	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2850	28.5	1329	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2850	28.5	11481	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2850	28.5	41046	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	12783	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM
285	28.5	8906	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2850	28.5	1075	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	201	Khoa Y, ĐHQG Tp.HCM
2850	28.5	1124	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2850	28.5	4058	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	742	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	40274	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	459	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	9787	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	7649	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2850	28.5	41350	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	2637	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2850	28.5	4294	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	10360	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	347	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	8682	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2850	28.5	2796	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	14964	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	40786	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	3014	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	2873	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	3434	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
2850	28.5	4158	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	12032	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	30466	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	1468	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	148	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	9398	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2850	28.5	1335	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2850	28.5	1302	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	7129	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	1330	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	2479	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	4099	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	803	Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG Tp.HCM
2850	28.5	17830	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	2755	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	21562	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

2850	28.5	2850	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM
2850	28.5	501	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	1178	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	1775	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
2850	28.5	1396	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	3127	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	12052	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	3346	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	40667	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	4286	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	41234	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	730	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
285	28.5	12482	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2850	28.5	3767	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	627	Trường Đại học Dược Hà Nội
	28.5	10499	Trường Đại học Y Dược, ĐH Thái nguyên
2850	28.5	881	Trường Đại học Dược Hà Nội
2850	28.5	3652	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	3804	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	2354	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2850	28.5	16793	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
2850	28.5	6372	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	7420	Trường Đại học Y Hà Nội
2850	28.5	40151	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2850	28.5	1439	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2825	28.5	3673	Trường Đại học Y Thái Bình
2850	28.5	2989	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	201	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	2747	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	452	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	11516	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	14937	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	16895	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	5991	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	6562	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	40643	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
280	28	809	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	18917	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
2800	28	18917	Đại học Nông nghiệp Hà Nội
2800	28	11771	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	40826	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	13514	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	776	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
2800	28	353	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2800	28	15407	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	138	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	8458	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	10867	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	10880	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	5685	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	11462	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà nội

2800	28	586	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	2292	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	5671	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	1685	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2800	28	463	Trường Đại học Y dược Cần Thơ
2800	28	3256	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	3235	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	11197	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
280	28	3455	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	2465	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2800	28	3689	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	11627	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	20024	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
2800	28	3448	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	2217	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	2014	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	4169	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	12977	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	6276	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	7948	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
2800	28	4119	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	3821	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2800	28	13349	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
280	28	13729	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	451	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	97	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	10958	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	18721	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	233	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	56004	Trường Đại học Y Dược, ĐH Huế
280	28	7594	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	57745	Trường Đại học Y Dược, ĐH Huế
2800	28	679	Trường Đại học Y Hải Phòng
2800	28	14508	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3623	Trường Đại học Y Hải Phòng
2800	28	5398	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
2800	28	4105	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	59707	Trường Đại học Y Dược, ĐH Huế
2800	28	273	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2800	28	8694	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	10144	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	1539	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	1553	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	3185	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	6884	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	2656	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	11517	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
280	28	9448	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	16166	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	6349	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
2800	28	4073	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc

2800	28	486	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	13944	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3682	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2800	28	14958	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	2300	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	951	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2800	28	3254	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	999	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
280	28	2696	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	3197	Trường Đại học Y dược Cần Thơ
2800	28	2635	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	1225	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	11211	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3155	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	12047	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	11624	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	2727	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3183	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	8216	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	4305	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	2320	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	676	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2800	28	8050	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2800	28	12764	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	3093	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	5054	Học viện Ngân hàng
2800	28	5815	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	17419	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3151	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	3983	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	1113	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	14842	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	13132	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3171	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	10347	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	8829	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	41205	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	9193	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	6809	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	399	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	1465	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	8704	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	2173	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
2800	28	2652	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
2800	28	3274	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	4769	Trường Đại học Y Hải Phòng
2800	28	9168	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	6223	Học viện Ngân hàng
2800	28	17698	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3738	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	3813	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội

2800	28	1395	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	41039	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	14337	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	17839	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	8126	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	415	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2800	28	21694	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	12185	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	1635	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	3598	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	5892	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
2800	28	684	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	4012	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	4350	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2800	28	18508	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	4295	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
280	28	13180	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	3090	Học viện Tài chính
2800	28	2577	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3400	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	2980	Trường Đại học Dược Hà Nội
280	28	13324	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM
2800	28	573	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
2800	28	163	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà nội
2800	28	3530	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	6855	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	4104	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	8555	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2800	28	13500	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	12956	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	816	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	2681	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	3124	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	3177	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	10959	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	22043	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	602	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
2800	28	1090	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3625	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	58821	Trường Đại học Y Dược, ĐH Huế
2800	28	38588	Trường Đại học Kinh tế, ĐH Đà Nẵng
2800	28	14543	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	2275	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	7836	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	4269	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	616	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	1280	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	8451	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	1565	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3795	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	4248	Trường Đại học Y Dược TP.HCM

2800	28	6306	Trường Đại học Y Hải Phòng
2800	28	4068	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	18186	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	2539	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	3450	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	1815	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	4024	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	40011	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	10339	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	3425	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	8454	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	588	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	1122	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	3549	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
2800	28	4171	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	638	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 ở phía Nam
2800	28	1112	Trường Đại học Y Dược TP.HCM
2800	28	17152	Trường Đại học Y Hà Nội
2775	28	412	Trường Đại học Y Thái Bình
2800	28	1109	Trường Đại học Dược Hà Nội
2800	28	1525	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	14779	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	16145	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2800	28	3310	Trường Đại học Ngoại thương * Cơ sở 1 ở phía Bắc
2800	28	14431	Trường Đại học Y Hà Nội
2800	28	13842	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

tentinh	truong_pt.tentruong
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Hồng Lĩnh
Tỉnh Vĩnh Long	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
Tỉnh Long An	THPT chuyên Long An
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
TP Hà Nội	THPT DL Lương Thế Vinh
Tỉnh Quảng Nam	THPT Tiểu La
Tỉnh Đồng Tháp	THPT Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Quảng Bình	THPT số 2 Quảng Trạch
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Minh Khai
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Minh Khai
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Số 1 Đức Phổ
Tỉnh Bến Tre	THPT chuyên Bến Tre
Tỉnh Bắc Giang	THPT Việt Yên 1
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Phú Thọ	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh Hà Nam	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Nghệ An	THPT Quỳnh Lưu 1
Tỉnh Trà Vinh	THPT DL Nguyễn Khuyến
TP Cần Thơ	THPT Chuyên Lý Tự Trọng
Tỉnh Quảng Ninh	THPT Chuyên Hạ Long
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Hoằng Hoá 2
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Chuyên Hà Tĩnh
Tỉnh Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Hương Sơn
Tỉnh Hải Dương	THPT Kinh Môn
Tỉnh Nghệ An	THPT Đô Lương 1
Tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên Toán ĐH Vinh
Tỉnh Vĩnh Phúc	THPT Lê Xoay
Tỉnh Gia Lai	THPT Nguyễn Bình Khiêm
Tỉnh Hải Dương	THPT Kinh Môn
Tỉnh Bến Tre	THPT chuyên Bến Tre
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
TP Hải Phòng	THPT Vĩnh Bảo
Tỉnh Ninh Bình	THPT Yên Khánh A
Tỉnh Nghệ An	THPT Chuyên Phan Bội Châu
TP Hà Nội	THPT Hà Nội-Amstecdam
Tỉnh Quảng Bình	THPT Chuyên Quảng Bình
Tỉnh Lào Cai	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
Tỉnh Phú Yên	THPT Chuyên Lương Văn Chánh
Tỉnh Bình Phước	THPT Chuyên Quang Trung
Tỉnh Tuyên Quang	THPT Chuyên tỉnh
TP Hà Nội	THPT Lê Quý Đôn- Hà Đông
Tỉnh Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
Tỉnh Hưng Yên	THPT Nguyễn Thiện Thuật
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Chuyên Lam Sơn
Tỉnh Bắc Giang	THPT Lục Ngạn 1

Tỉnh Hải Dương	THPT Nguyễn Trãi
Tỉnh Hưng Yên	THPT chuyên tỉnh Hưng Yên
Tỉnh Hưng Yên	THPT chuyên tỉnh Hưng Yên
Tỉnh Vĩnh Phúc	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
Tỉnh Hải Dương	THPT Kinh Môn
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Hồng Lĩnh
Tỉnh Nam Định	THPT Hải Hậu A
TP Hồ Chí Minh	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Phú Thọ	THPT Chuyên Hùng Vương
Tỉnh Thái Bình	THPT Nguyễn Đức Cảnh
TP Hải Phòng	THPT Thái Phiên
Tỉnh Phú Yên	THPT Chuyên Lương Văn Chánh
Tỉnh Bình Dương	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Tây Ninh	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Long An	THPT chuyên Long An
Tỉnh Bình Thuận	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
Tỉnh Khánh Hòa	THPT Huỳnh Thúc Kháng
TP Hà Nội	THPT Kim Liên
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
Tỉnh Bà Rịa-VT	THPT Trần Văn Quan
Tỉnh Hưng Yên	THPT Yên Mỹ
Tỉnh Bắc Giang	THPT Chuyên Bắc Giang
Tỉnh Bình Định	THPT Tăng Bạt Hổ
TP Hà Nội	THPT Quốc Oai
Tỉnh Nghệ An	THPT Chuyên Phan Bội Châu
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Đồng Nai	THPT NK ĐH KHTN
Tỉnh Hưng Yên	THPT chuyên tỉnh Hưng Yên
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Lương Đắc Bằng
TP Hà Nội	THPT BC Nguyễn Tất Thành
Tỉnh Bình Định	THPT Lý Tự Trọng
TP Hồ Chí Minh	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Bắc Ninh	THPT DL Lương Thế Vinh
TP Hồ Chí Minh	THPT Quang Trung
Tỉnh Nghệ An	THPT Huỳnh Thúc Kháng
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Nguyễn Quán Nho
Tỉnh Trà Vinh	THPT Chuyên
TP Hà Nội	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
TP Hà Nội	THPT Chu Văn An
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Hậu Lặc 2
TP Hà Nội	THPT Thanh Oai B
TP Hà Nội	THPT Phúc Thọ
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Yên Phong 1
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Yên Phong 1
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Nghệ An	THPT Đô Lương 3
Tỉnh Bà Rịa-VT	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Nghệ An	THPT Con Cuông
Tỉnh Bắc Giang	THPT Chuyên Bắc Giang
Tỉnh Nghệ An	THPT Thanh Chương 1

Tỉnh Đồng Tháp	THPT Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Nam Định	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Đồng Nai	THPT Dầu Giây
TP Hồ Chí Minh	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên Bắc Ninh
TP Hà Nội	THPT Tân Lập
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Chuyên Lam Sơn
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Ba Đình
Tỉnh Bình Định	THPT chuyên Lê Quý Đôn
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Trần Phú
Tỉnh Bình Định	THPT chuyên Lê Quý Đôn
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Kiên Giang	THPT Tân Hiệp
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Bỉm Sơn
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Bỉm Sơn
Tỉnh Tuyên Quang	THPT Chuyên tỉnh
Tỉnh Nam Định	THPT Nam Trực
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Chuyên Hà Tĩnh
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Hậu Lộc 2
Tỉnh Long An	THPTThực hành/ĐHSP
Tỉnh Tiền Giang	THPT Trương Định
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Hậu Lộc 2
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Đồng Nai	THPT Long Khánh
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Chuyên Lam Sơn
Tỉnh Bắc Giang	THPT Lạng Giang 1
Tỉnh Lâm Đồng	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Đắk Lắk	THPT Nguyễn Bình Khiêm
Tỉnh Hưng Yên	THPT Khoái Châu
Tỉnh Hải Dương	THPT Thanh Hà
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
Tỉnh Bến Tre	THPT chuyên Bến Tre
TP Hà Nội	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
TP Hà nội cũ	
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Quảng Nam	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
Tỉnh Hưng Yên	THPT Dương Quảng Hàm
TP Hà Nội	THPT Lê Quý Đôn- Hà Đông
Tỉnh Cà Mau	THPT DL Nguyễn Khuyến
TP Hải Phòng	THPT Chuyên Trần Phú
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Hà Trung
TP Hồ Chí Minh	THPTThực hành/ĐHSP
Tỉnh Nam Định	THPT Giao Thủy A
Tỉnh Nam Định	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Hưng Yên	THPT chuyên tỉnh Hưng Yên
Tỉnh Nghệ An	THPT Huỳnh Thúc Kháng

Tỉnh Thái Bình	THPT Bắc Duyên Hà
Tỉnh Thái Bình	THPT Bắc Duyên Hà
Tỉnh Hưng Yên	THPT Trưng Vương
Tỉnh Phú Thọ	THPT Chuyên Hùng Vương
Tỉnh An Giang	THPT Trần Văn Thành
Tỉnh Hà Nam	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Nam Định	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Số 2 Mộ Đức
TP Hồ Chí Minh	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Hải Dương	THPT Tứ Kỳ
Tỉnh Hưng Yên	THPT chuyên tỉnh Hưng Yên
Tỉnh Bắc Giang	THPT Việt Yên 1
Tỉnh Vĩnh Long	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
Tỉnh Vĩnh Phúc	THPT Lê Xoay
TP Hà Nội	THPT Liên Hà
TP Hà Nội	THPT Xuân Hòa
Tỉnh Nghệ An	Chuyên Toán ĐH Vinh
Tỉnh Hưng Yên	THPT Trưng Vương
TP Đà Nẵng	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
Tỉnh Tây Ninh	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Tây Ninh	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Thuận Thành 1
Tỉnh Nghệ An	THPT Quỳnh Lưu 1
Tỉnh Phú Yên	PT cấp 2-3 Phan Chu Trinh
Tỉnh Hưng Yên	THPT Triệu Quang Phục
Tỉnh Hưng Yên	THPT Triệu Quang Phục
TP Hải Phòng	THPT Phạm Ngũ Lão
Tỉnh Nghệ An	THPT Chuyên Phan Bội Châu
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Thạch Thành 1
TP Đà Nẵng	THPT Phan Châu Trinh
TP Hồ Chí Minh	THPT Bùi Thị Xuân
Tỉnh Quảng Trị	THPT Chuyên LQĐôn
TP Hải Phòng	THPT Chuyên Trần Phú
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Đào Duy Từ
TP Hải Phòng	THPT Vĩnh Bảo
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Dĩ An
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Chuyên Hà Tĩnh
Tỉnh Quảng Bình	THPT Chuyên Quảng Bình
Tỉnh Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
Tỉnh Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Ba Đình
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Ba Đình
Tỉnh Hưng Yên	THPT Trần Hưng Đạo
Tỉnh Nghệ An	THPT Quỳnh Lưu 1
Tỉnh Nghệ An	THPT Nguyễn Xuân Ôn
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên Bắc Ninh
TP Hà Nội	THPT Hà Nội-Amstecdam
Tỉnh Lâm Đồng	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Hà Nam	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh An Giang	THPT Thoại Ngọc Hầu
Tỉnh Nghệ An	THPT Diễn Châu 3

Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên Bắc Ninh
TP Hà Nội	THPT Dương Xá
Tỉnh Thái Nguyên	THPT Chu Văn An
TP Hà Nội	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
TP Hà Nội	THPT Chuyên Nguyễn Huệ
Tỉnh Lâm Đồng	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Lý Tự Trọng
Tỉnh Tiền Giang	THPT Trương Định
TP Hồ Chí Minh	THPT NK ĐH KHTN
Tỉnh An Giang	THPT Thoại Ngọc Hầu
TP Hồ Chí Minh	THPT NK ĐH KHTN
Tỉnh Thái Nguyên	THPT Chuyên (Năng khiếu)
Tỉnh Hải Dương	THPT Kinh Môn
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Tiên Du 1
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Lương Đắc Bằng
Tỉnh Hải Dương	THPT Thanh Miện
TP Hải Phòng	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh Hà Nam	THPT Chuyên Biên Hòa
TP Hải Phòng	THPT Chuyên Trần Phú
Tỉnh Nghệ An	THPT Bắc Yên Thành
Tỉnh Bình Phước	THPT Chuyên Quang Trung
TP Hồ Chí Minh	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Gia Bình 1
TP Hà Nội	THPT DL Lương Thế Vinh
TP Hồ Chí Minh	THPT Lê Hồng Phong
TP Hà Nội	THPT Trung Giã
TP Hà Nội	Chuyên ngữ ĐH NN Q. gia
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Chuyên Hà Tĩnh
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Thuận Thành 1
Tỉnh Nghệ An	THPT Chuyên Phan Bội Châu
Tỉnh Nam Định	THPT Xuân Trường B
Tỉnh Hà Nam	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh Thái Bình	THPT Tây Tiền Hải
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Trần Phú
TP Hồ Chí Minh	THPT NK ĐH KHTN
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Quảng Xương 1
Tỉnh Phú Yên	THPT Chuyên Lương Văn Chánh
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên Bắc Ninh
Tỉnh Tây Ninh	THPT chuyên Hoàng Lệ Kha
Tỉnh Hải Dương	THPT Nguyễn Trãi
Tỉnh Ninh Thuận	THPT Chu Văn An
TP Hà Nội	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh Đắk Nông	THPT DL Nguyễn Khuyến
TP Hà Nội	THPT Hồng Thái
Tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên Toán ĐH Vinh
Tỉnh Hải Dương	THPT Nguyễn Trãi
Tỉnh Vĩnh Phúc	THPT Lê Xoay
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh Nghệ An	THPT Đô Lương 3
TP Hà Nội	THPT Hoài Đức A
TP Hải Phòng	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN

Tỉnh Thái Bình	THPT Đông Thụy Anh
Tỉnh Quảng Nam	THPT Huỳnh Ngọc Huệ
Tỉnh Bắc Giang	THPT Chuyên Bắc Giang
Tỉnh Nghệ An	THPT Hoàng Mai
Tỉnh Bình Thuận	THPT Đức Linh
Tỉnh Bình Thuận	THPT Đức Linh
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Hồng Lĩnh
Tỉnh Hưng Yên	THPT Yên Mỹ
TP Hồ Chí Minh	THPT Bùi Thị Xuân
Tỉnh Phú Thọ	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Đồng Nai	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Bình Thuận	THPT DL Nguyễn Khuyến
TP Hà Nội	THPT Mỹ Đức C
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Chuyên Bắc Ninh
Tỉnh Nghệ An	THPT Bắc Yên Thành
Tỉnh Nghệ An	THPT Nghi Lộc 2
Tỉnh Quảng Nam	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
TP Hà Nội	THPT Trung Giã
Tỉnh Thái Bình	THPT Quỳnh Côi
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Hải Dương	THPT Đoàn Thượg
Tỉnh Phú Yên	THPT Chuyên Lương Văn Chánh
TP Hà Nội	THPT Ng. Thị Minh Khai
TP Hà Nội	THPT Ng. Thị Minh Khai
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Hưng Yên	THPT Khoái Châu
Tỉnh Tiền Giang	THPT Trương Định
TP Hải Phòng	THPT Vĩnh Bảo
TP Hà Nội	THPT Yên Hoà
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
TP Hà Nội	THPT Tân Lập
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
TP Hồ Chí Minh	THPT Ng Hữu Huân
Tỉnh Nghệ An	Chuyên Toán ĐH Vinh
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Tĩnh Gia 2
Tỉnh Nghệ An	THPT Quỳnh Lưu 1
TP Hải Phòng	THPT Toàn Thắng
TP Hải Phòng	THPT Toàn Thắng
TP Đà Nẵng	THPT Phan Châu Trinh
Tỉnh Quảng Trị	THPT TX Quảng Trị
Tỉnh Quảng Trị	THPT TX Quảng Trị
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Ba Đình
TP Hà Nội	THPT Hoài Đức B
Tỉnh Đồng Nai	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Minh Khai
Tỉnh Bến Tre	THPT Bình Đại A
Tỉnh Lâm Đồng	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
Tỉnh Vĩnh Phúc	THPT Yên Lạc 2
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Minh Khai
Tỉnh Khánh Hòa	THPT chuyên Lê Quý Đôn

TP Hải Phòng	THPT Chuyên Trần Phú
TP Hồ Chí Minh	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên Toán ĐH Vinh
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Trần Phú
Tỉnh Tuyên Quang	THPT Chuyên tỉnh
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Nguyễn Du
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
Tỉnh Hưng Yên	THPT Mỹ Hào
Tỉnh Bắc Ninh	THPT Hàn Thuyên
Tỉnh Long An	THPT Lê Hồng Phong
Tỉnh Thanh Hóa	THPT Hậu Lặc 2
Tỉnh Hải Dương	THPT Tứ Kỳ
TP Hà Nội	THPT Chuyên ĐH SP HN
Tỉnh Hà Tĩnh	THPT Hương Khê
Tỉnh Thanh Hóa	THPT DL Nguyễn Khuyến
Tỉnh Quảng Ngãi	THPT Chuyên Lê Khiết
Tỉnh Nghệ An	Chuyên Toán ĐH Vinh
Tỉnh Thái Bình	THPT Tây Thụy Anh
TP Hải Phòng	THPT Kiến An
TP Hà Nội	THPT Chuyên KHTN ĐH QG HN
Tỉnh Hưng Yên	THPT chuyên tỉnh Hưng Yên
TP Hải Phòng	THPT Chuyên Trần Phú
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Thái Bình	THPT Chuyên
Tỉnh Nghệ An	THPT Đông Hiếu